

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc thẩm quyền giải quyết của
Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐCP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-BKHCN ngày 08/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet, Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 214/TTr-SKHCN ngày 10/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Sở Khoa

học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (BGĐ, CVKSTTHC);
- Lưu: VT.KT09/9

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Luân

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 0985/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau (*điểm tiếp nhận 1: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau; điểm tiếp nhận 2: đường Nguyễn Văn Linh, khóm 10, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (*nếu đủ điều kiện theo quy định*).

2. Thời gian tiếp nhận: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
01	1.013899.H12	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định:	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i>	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		đất).		UBND tỉnh	- <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i>	năm 2025 của Chính phủ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	“1.013899” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
02	1.013900.H12	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ</i>	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	sơ theo quy định.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	<i>Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí</i>	133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	theo mã hồ sơ “1.013900” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
					quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.		
03	1.013901.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013901” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		CP.			<i>I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông. - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>	<i>trường Bộ Tài chính.</i>	
04	1.013902.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viên thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viên thông cố định mặt đất (dịch vụ viên thông cung cấp trên mạng viên thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí dịch vụ viên thông: nộp theo quy định tại</i>	- Luật Viên thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013902” trên Cổng Dịch vụ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.			<i>khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.	<i>ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	công quốc gia.
05	1.013903.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng</i>	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013903” trên

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.			viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Công Dịch vụ công quốc gia.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
					<i>phép viễn thông. - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>		
06	1.013904.H12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí</i>	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013904” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		CP.			quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông. - Phí dịch vụ viên thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông. - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.		
07	1.013905.H12	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ	Trong thời hạn 12 ngày	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả	Thực hiện theo Thông	- Luật Viên thông năm 2023.	Các bộ phận tạo

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	(cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	<i>tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông:</i>	- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013905” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
					<i>nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông. - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>		
08	1.013906.H12	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định:	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i>	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		đất).		UBND tỉnh	- <i>Phí dịch vụ viên thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông.</i> - <i>Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>	năm 2025 của Chính phủ. - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	“1.013906” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
09	1.013907.H12	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viên thông có hạ tầng mạng, loại mạng viên thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	<i>Không thu phí</i>	- Luật Viên thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	sơ theo quy định.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh		133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	theo mã hồ sơ “1.013907” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
10	1.013976.H12	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - <i>Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục</i>	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013976” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
					<i>I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viên thông, lệ phí cấp giấy phép viên thông.</i> - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	trường Bộ Tài chính.	
11	1.013908.H12	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viên thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viên thông cố định mặt đất (dịch vụ viên thông cung cấp trên mạng viên thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viên thông.	Trong thời hạn 08 ngày làm việc (cắt giảm 2/10 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> - Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ	- Luật Viên thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013908” trên Cổng Dịch vụ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
					viễn thông hết quý có ngày thu hồi giấy phép. Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi. - Lệ phí: Không.	ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	công quốc gia.
12	1.013909.H12	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh,	Trong thời hạn 08 ngày làm việc (cắt giảm 2/10 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí: Doanh nghiệp phải nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.013909” trên Cổng Dịch vụ công quốc

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý sửa đổi bổ, sung	Ghi chú
		thành phố trực thuộc trung ương.			hết quý có ngày thu hồi giấy phép. Thời điểm nộp phí trước ngày giấy phép bị thu hồi. - Lệ phí: Không.	năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	gia.

Ghi chú: Thủ tục hành chính tương ứng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Danh mục kèm theo các Quyết định trước đây hết hiệu lực thi hành, kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

Tổng số Danh mục có 12 TTHC cấp tỉnh./.

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ
INTERNET THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH, SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 0985/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Nhóm 10 TTHC:

- 1. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (Mã TTHC: 1.013899.H12).**
- 2. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mã TTHC: 1.013900.H12).**
- 3. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (Mã TTHC: 1.013901.H12).**
- 4. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (Mã TTHC: 1.013902.H12).**
- 5. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (Mã TTHC: 1.013903.H12).**
- 6. Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (Mã TTHC: 1.013904.H12).**
- 7. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng**

viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mã TTHC: 1.013905.H12).

8. Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (Mã TTHC: 1.013906.H12).

9. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mã TTHC: 1.013907.H12).

10. Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) (Mã TTHC: 1.013976.H12).

a. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 12 ngày (cắt giảm 3/15 ngày, tỷ lệ 23,80%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Tại Sở Khoa học và Công nghệ: 8 ngày.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 4 ngày.

b. Quy trình giải quyết

- Quy trình giải quyết tại Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân (nếu là hồ sơ tiếp nhận trực tiếp), chuyển hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ (*Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông*) kèm bản giấy: 0,25 ngày.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông phân công thẩm định hồ sơ: 0,25 ngày.

+ Bước 3: Chuyên viên Phòng Công nghệ số và Viễn thông tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), yêu cầu thanh toán phí, lệ phí (nếu có). Sau khi tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán phí hoặc lệ phí (nếu có), chuyển văn bản hành chính đề xuất, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định được trình phê đến Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông xem xét: 06 ngày.

+ Bước 4: Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông xem xét trình Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.

+ Bước 5: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ Phê duyệt văn bản đề xuất và dự thảo kết quả giải quyết TTHC chuyển Văn thư: 01 ngày.

+ Bước 6: Văn thư thực hiện nghiệp vụ công tác văn thư đối với văn bản hành chính đề xuất, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Thời gian 3,5 ngày (*trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày.

Nhóm 2 TTHC:

11. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông) (Mã TTHC: 1.013908.H12).

12. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông) (Mã TTHC: 1.013909.H12).

a. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 08 ngày làm việc (cắt giảm 2/10 ngày, tỷ lệ 20%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Tại Sở Khoa học và Công nghệ: 05 ngày làm việc.

- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.

b. Quy trình giải quyết

- Quy trình giải quyết tại Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kiểm tra các thành phần hồ sơ, nhập các trường thông tin cơ bản về hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân (nếu là hồ sơ tiếp nhận trực tiếp), chuyển hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ (*Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông*) kèm bản giấy: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông phân công thẩm định hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 3: Chuyên viên Phòng Công nghệ số và Viễn thông tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (*chứng thực hồ sơ nếu hồ sơ có yêu cầu; kiểm tra file scan*), hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), yêu cầu thanh toán phí, lệ phí

(nếu có). Sau khi tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán phí hoặc lệ phí (nếu có), chuyển văn bản hành chính đề xuất, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định được trình phê đến Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông xem xét: 03 ngày làm việc.

+ Bước 4: Lãnh đạo Phòng Công nghệ số và Viễn thông xem xét trình Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 5: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ Phê duyệt văn bản đề xuất và dự thảo kết quả giải quyết TTHC chuyển Văn thư: 01 ngày làm việc.

+ Bước 6: Văn thư thực hiện nghiệp vụ công tác văn thư đối với văn bản hành chính đề xuất, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,5 ngày (trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống, gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, số hóa hồ sơ, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày làm việc.

Lưu ý: Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, kết quả cho tổ chức, cá nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Trung tâm Phục vụ hành chính công trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định./.